

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Số: 37/KH-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 18 tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh năm 2023

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2022

1. Về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin: hạ tầng kỹ thuật trung tâm dữ liệu của tỉnh đủ năng lực, hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn thông tin; 100% công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước được trang bị máy vi tính; trên 74% người dân sử dụng Internet (đạt 100% mục tiêu); trên 60% dân số trên địa bàn tỉnh có điện thoại thông minh; tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 59,25% (đạt 79% mục tiêu); 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng thông tin di động 4G (đạt 100% mục tiêu);...

2. Về ứng dụng công nghệ thông tin: 83,21% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 78,05% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 78,19% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (đạt 100% so với kế hoạch); 100% báo cáo thống kê về kinh tế xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện qua hệ thống báo cáo kinh tế xã hội của UBND tỉnh, đảm bảo kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với hệ thống báo cáo quốc gia; 100% thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; 72,52% dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ (đạt 100% mục tiêu); rà soát, công khai 1.466 TTHC và tích hợp 930 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (50,05%) đạt 100% mục tiêu kế hoạch. Tuy nhiên, năm 2022 chỉ có 15,66% hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến so với tổng số hồ sơ tiếp nhận (đạt 31,32% so với mục tiêu kế hoạch năm 2022 của tỉnh).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2022

1. Nhận thức

a) Ngày Chuyển đổi số: UBND tỉnh chọn ngày 10/10 hàng năm là Ngày chuyển đổi số của tỉnh tại Quyết định số 1934/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 về Ngày Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh; đồng thời ban hành Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 24/10/2022 về việc hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số của tỉnh Trà Vinh, qua triển khai đạt được một số kết quả như sau:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ cập bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia theo Công văn số 4878/BTTTT-CĐSQG ngày 30/9/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Ngày chuyển đổi số quốc gia và sử dụng nền tảng Bản đồ số quốc gia; chia sẻ, phổ biến câu chuyện chuyển đổi số trên Chuyên mục T63 qua Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, hệ thống thông tin cơ sở, đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, các cổng thông tin điện tử thành phần các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Tổ chức Hội nghị nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2022 vào ngày 28/10/2022, với hơn 100 đại biểu là đại diện các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh tham dự.

- Tổ chức hội nghị đánh giá thực trạng, nội dung, giải pháp chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh giai đoạn đến năm 2025; ra mắt và công bố chính thức áp dụng các nền tảng số, các ứng dụng, dịch vụ mới được triển khai (Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; hệ thống Khai thác kho dữ liệu dùng chung; hệ thống Phản ánh kiến nghị; ứng dụng Smart Trà Vinh); tổ chức tập huấn và diễn tập thực chiến an toàn thông tin với 70 đại biểu tham dự gồm đại diện lãnh đạo, cán bộ phụ trách công nghệ thông tin Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; xây dựng website Chuyển đổi số của tỉnh.

b) Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

- Sáng kiến “Hưởng ứng ngày chuyển đổi số, ngày thứ 6 tăng cường truyền thông về cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến” do Sở Tư pháp tổ chức triển khai với mục tiêu hướng dẫn cho cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam bằng hình thức trực tuyến, góp phần tăng tỷ lệ hồ sơ được giải quyết dịch vụ công trực tuyến, nâng cao nhận thức của cá nhân, tổ chức về lợi ích của việc thực hiện dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến. Kết quả tiếp nhận 55 hồ sơ cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến, tăng 43 hồ sơ so với tháng 9/2022.

- Sáng kiến Đẩy mạnh việc “Chuyển đổi số cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân” bằng hình thức thực hiện Dịch vụ công trực tuyến tại UBND huyện Cầu Ngang; UBND huyện bố trí máy tính, máy scan, nhân lực và chỉ đạo công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công để hướng dẫn cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến đối với tất cả các dịch vụ công mức độ 3, 4 thuộc thẩm quyền quyết định của UBND huyện. Kết quả tiếp nhận 277 hồ sơ trực tuyến, tăng 148 hồ sơ so với tháng 9/2022.

c) Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo: hưởng ứng Ngày chuyển đổi số, đã phổ biến, quán triệt cán bộ, công chức, viên chức tham gia kênh Zalo OA “Chuyển đổi số quốc gia” và triển khai đến các thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng tham gia kênh Zalo OA “Chuyển đổi số quốc gia” để kịp thời nắm bắt, cập nhật chủ trương, định hướng, thông tin về hoạt động chuyển đổi số quốc gia; các bộ, ngành, địa phương, làm nền tảng kiến thức phục vụ hướng dẫn, hỗ trợ người dân.

d) Hoạt động tuyên truyền: thiết lập và duy trì chuyên mục chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Báo Trà Vinh, Cổng thông tin điện tử các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; xây dựng chuyên trang Chuyển đổi số của tỉnh. Ngoài ra, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh và hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng các tin, phóng sự tuyên truyền những nội dung liên quan về chuyển đổi số tần suất 01 tuần/lần.

2. Thễ chế số

a) Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch 05 năm của cấp chính quyền về chuyển đổi số

- Về ban hành Nghị quyết của cấp ủy: Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 26/01/2022 về Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Về kế hoạch 05 năm: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 12/7/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 26/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2022

- Ban Chỉ đạo cải cách hành chính; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh và Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh được thành lập tại Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh; đồng thời ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh và Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh năm 2022 (Kế hoạch số 60/KH-BCĐ ngày 27/7/2022).

- Trong năm, chủ trì và tham gia các phiên họp của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số; chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh và Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh năm 2022; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 12/7/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 26/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 19/9/2022 về phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 04/10/2022 về triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 21/6/2022 về Chuyển đổi IPv6 cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 21/7/2022 về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025;...

3. Hạ tầng số

a) Hạ tầng viễn thông: toàn tỉnh hiện có 06 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (VNPT Trà Vinh, Viettel Trà Vinh, MobiFone Trà Vinh, FPT chi nhánh Trà Vinh, Gtel và Vietnamobile) và 01 doanh nghiệp truyền hình cáp sẵn sàng cung ứng đa dạng các dịch vụ phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Mạng truyền dẫn cáp

quang được triển khai đến 100% xã, phường, thị trấn. Toàn tỉnh có 1.208 trạm BTS (trong đó 86,18% trạm 4G); trên 74% người dân sử dụng Internet; 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng thông tin di động 4G;...

b) Hạ tầng bưu chính: toàn tỉnh hiện có 12 doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bưu chính với tổng số 247 điểm phục vụ (trong đó có 47 bưu cục, 84 điểm Bưu điện - Văn hóa xã và 116 điểm phục vụ hình thức khác (các điểm thu gom),...); 85/85 xã có điểm phục vụ bưu chính, chất lượng dịch vụ luôn được nâng cao sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho chuyển đổi số của tỉnh.

c) Trung tâm dữ liệu của tỉnh: gồm 171 máy chủ (31 máy chủ vật lý, 140 máy chủ ảo hóa). Cơ bản được đầu tư hiện đại, đồng bộ, năng lực hiện tại đang đảm bảo cho triển khai, vận hành các ứng dụng, cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

d) Mạng truyền số liệu chuyên dùng: 150 cơ quan, đơn vị (16 cơ quan Đảng; 134 cơ quan nhà nước (cấp tỉnh: 19, cấp huyện: 09, cấp xã: 106) đã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, hình thành mạng dùng riêng khép kín và được triển khai các giải pháp an toàn thông tin.

đ) Chứng thư số chuyên dùng: trong năm, thu hồi 139 chứng thư số, cấp mới 362 chứng thư số, nâng tổng số chứng thư số đang hoạt động 2.582 (479 chứng thư số tổ chức, 2.103 chứng thư số cá nhân (2.029 USB, 74 SIM PKI) phục vụ ký số văn bản, hồ sơ điện tử.

e) Về tổ chức triển khai chuyển đổi các hệ thống thông tin của UBND tỉnh (tên miền travinh.gov.vn) sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới - IPv6: đang thực hiện chuyển đổi Cổng thông tin điện tử và Cổng dịch vụ công của tỉnh sang sử dụng IPv6.

4. Dữ liệu số

a) Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh: đã hoàn thành xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; hệ thống có chức năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các CSDL chuyên ngành, lĩnh vực hỗ trợ các cơ quan có liên quan khai thác, phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động quản lý, điều hành, đơn giản hóa quy trình TTHC. Hiện tại đang tích hợp các loại dữ liệu: người dân, doanh nghiệp, TTHC, danh mục dùng chung, hồ sơ cán bộ công chức viên chức, thông tin và truyền thông.

b) Hệ thống Khai thác kho dữ liệu dùng chung: đã xây dựng Hệ thống Khai thác kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; hệ thống cung cấp các tính năng xử lý, khai phá dữ liệu; trực quan hóa dữ liệu; mô phỏng dự báo dữ liệu theo mô hình; công cụ hình thành dịch vụ thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp và cán bộ công chức thông qua việc cung cấp số liệu, báo cáo thống kê kinh tế xã hội và các dịch vụ khai thác thông tin trên ứng dụng công dân số.

c) Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân tại Cổng dịch vụ công của tỉnh: thí điểm xây dựng Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân tại Cổng dịch vụ công của tỉnh; hệ thống có chức năng hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức trong quy trình giải quyết TTHC lưu trữ, kiểm tra, xác thực trực tuyến các thông tin

thành phần hồ sơ đăng ký thực hiện TTHC của tổ chức, cá nhân đã nộp; đồng thời hỗ trợ tổ chức, cá nhân lưu trữ, sử dụng nộp hồ sơ thực hiện thủ tục bằng hình thức trực tuyến theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

d) CSDL ngành, lĩnh vực: nhiều CSDL ngành, lĩnh vực đã được các sở, ban, ngành tỉnh tạo lập phục vụ công tác quản lý ngành, lĩnh vực gồm: CSDL Quản lý cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; CSDL Doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã; CSDL Kinh tế xã hội; CSDL Hộ kinh doanh; CSDL Đất đai, bản đồ số; CSDL Thông tin dữ liệu môi trường, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản; CSDL Đoàn viên, hội viên; CSDL Hồ sơ sức khỏe điện tử; CSDL Quản lý bệnh viện; CSDL Quản lý trường học; CSDL Quản lý hồ sơ người có công; CSDL Công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng; công bố chỉ số giá xây dựng hàng quý; CSDL Quản lý dự án đầu tư; CSDL Quản lý chế độ chính sách; CSDL Thẩm định quyết toán ngân sách; CSDL Quản lý tài chính, điều hành, quyết toán ngân sách; CSDL Môi trường ngành công thương; CSDL Ngành công thương; CSDL Quản lý giấy phép lái xe; CSDL Quản lý vận tải đường bộ; CSDL Thông tin dữ liệu về đề tài/dự án; CSDL Thông tin dữ liệu về thống kê khoa học và công nghệ;...

5. Nền tảng số

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP): đã hoàn thành xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), sẵn sàng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin của tỉnh với nhau và với các hệ thống thông tin có chia sẻ dữ liệu qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

a) 14 hệ thống với Cổng dịch vụ công của tỉnh qua LGSP gồm: (1) CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); (2) CSDL quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội Việt Nam); (3) CSDL đất đai quốc gia (Bộ Tài nguyên và Môi trường); (4) CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); (5) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); (6) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); (7) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); (8) Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); (9) Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; (10) Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực đường bộ trong nước (Bộ Giao thông vận tải); (11) CSDL quốc gia về dân cư; (12) Hệ thống mã bưu chính VNPostPrice; (13) Cổng dịch vụ công Bộ Xây dựng; (14) Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

b) Các hệ thống của tỉnh kết nối qua LGSP gồm: hệ thống Quản lý văn bản điều hành; hệ thống ISO điện tử; hệ thống thông tin Một cửa điện tử; hệ thống quản lý đất đai (VBDLis - Sở Tài nguyên và Môi trường); Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; Hệ thống Khai thác kho dữ liệu dùng chung; hệ thống Phản ánh kiến nghị; Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC).

6. Nhân lực số

a) Về bố trí nhân sự phụ trách công nghệ thông tin: tất cả các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đều có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin (sở, ngành tỉnh 85 người, cấp huyện 11 người).

b) Về đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức: cử 234 lượt cán bộ tham gia khóa bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ nòng cốt chuyển đổi số; khóa cách tiếp cận nền tảng trong chuyển đổi số; khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số cho lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn; khóa bồi dưỡng đề án 146; khóa đào tạo kiến thức,...trên nền tảng One Touch.

- Đã tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, triển khai giải pháp chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực như: nông nghiệp, tài chính - ngân hàng, tài nguyên và môi trường, du lịch,... và hướng dẫn, tập huấn nội dung liên quan chuyển đổi số với gần 3.700 lượt cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh tham dự bằng hình thức trực tuyến, gần 700 lượt bằng hình thức trực tiếp.

- Phối hợp với Cục Chuyển đổi số quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, cung cấp thông tin cho 3.842 thành viên của Tổ Công nghệ số cộng đồng về các chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số; hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số.

7. An toàn thông tin mạng: thành lập Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng theo Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia.

a) Về triển khai đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh

- Về xác định và thực thi bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ: tổng số hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ là 21/47 hệ thống, các cơ quan còn lại tiếp tục lập hồ sơ đề xuất cấp độ theo lộ trình của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

- Về giám sát an toàn thông tin: tỉnh đã triển khai Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) đảm bảo năng lực phục vụ công tác giám sát, điều hành, bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên phạm vi toàn tỉnh; đảm bảo Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng của tỉnh kết nối và chia sẻ thông tin thông suốt với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. Ghi nhận từ hệ thống giám sát của tỉnh: có 421 cảnh báo, trong đó có 296 cảnh báo lỗi hỏng bảo mật và 125 cảnh báo mã độc.

- Về phòng, chống phần mềm độc hại: triển khai giải pháp phòng, chống mã độc tập trung cho các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn. Hiện tại, 100% máy tính của các sở, ban, ngành tỉnh (không bao gồm đơn vị trực thuộc), UBND các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo cấu hình đã được cài đặt các phần mềm phòng chống mã độc.

- Thực hiện đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ: “Lớp 1” Lực lượng tại chỗ: đảm bảo thực hiện tốt công tác tham mưu, tổ chức thực thi và kiểm tra, đôn đốc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh; “Lớp 2” Tổ chức hoặc thuê doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp: hiện tại tỉnh đã triển khai Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) theo đó có thuê giám sát; “Lớp 3” Tổ chức hoặc thuê doanh nghiệp độc lập kiểm tra đánh giá định kỳ: hàng năm Trung tâm dữ liệu của tỉnh thuê doanh nghiệp kiểm tra đánh giá an toàn thông tin mạng đúng quy định, kịp thời phát hiện, khắc phục các lỗ hổng, đưa ra kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm tối ưu hơn cho hệ thống; “Lớp 4” Kết nối chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia: tỉnh đã thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin (giám sát về mã độc) với Trung tâm giám sát An toàn không gian mạng quốc gia.

- Về giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin: đã trang bị và lắp đặt hệ thống bảo mật mạng LAN cho 133 mạng LAN của 133 cơ quan (18 sở, ban, ngành tỉnh, 09 UBND các huyện, thị xã, thành phố, 106 UBND xã, phường, thị trấn) để triển khai truy cập các hệ thống dùng chung qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh.

b) Về công tác tuyên truyền, phổ biến

- Thiết lập chuyên mục về an toàn thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, đã đăng tải các văn bản, tin bài về công tác an toàn thông tin; phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về an toàn thông tin, tình hình và các biện pháp giảm thiểu nguy cơ mất an toàn thông tin; phổ biến kịp thời các tài liệu tuyên truyền (sổ tay về an toàn thông tin dành cho cán bộ, công chức, viên chức; cẩm nang an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Thông tin và Truyền thông đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân trên địa bàn tỉnh thông qua trang thông tin điện tử, hệ thống quản lý văn bản và điều hành,...).

- Tuyên truyền an toàn thông tin bằng hình thức qua niêm yết tại các điểm truy cập Internet công cộng, điểm cung cấp trò chơi điện tử, điểm truy cập mạng không dây nơi công cộng, qua cổng thông tin điện tử, qua các hệ thống thông tin cơ sở,...

c) Về công tác bồi dưỡng tập huấn nâng cao nhận thức về an toàn thông tin và diễn tập thực chiến: tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho đội ngũ lãnh đạo và cán bộ công nghệ thông tin; các lớp tập huấn, huấn luyện, đào tạo về an toàn thông tin, ứng cứu sự cố cho Đội ứng cứu của tỉnh và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh (trong tháng 12/2022, tỉnh tổ chức diễn tập thực chiến cho Đội ứng cứu và công chức, viên chức phụ trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị); tham gia các hội thảo, diễn tập về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, trong đó tại Diễn tập quốc tế Asean-Nhật bản về an toàn thông tin trên không gian mạng ngày 23/6/2022, đội Sở Thông tin và Truyền thông Trà Vinh xếp hạng 12/118 đội tham dự,...

8. Chính quyền số

a) Các ứng dụng dùng chung trong hoạt động nội bộ của cơ quan nhà nước: tỉnh đã triển khai đưa vào áp dụng nhiều ứng dụng dùng chung phục vụ công tác nội bộ của cơ quan, đơn vị cụ thể như:

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành - iOffice: đã triển khai áp dụng cho 577 cơ quan (cấp tỉnh: 139, cấp huyện: 332, cấp xã: 106) với 7.334 người dùng; đã tích hợp giải pháp ký số; liên thông gửi nhận văn bản điện tử thông suốt từ trung ương đến cấp xã và liên thông gửi nhận văn bản điện tử với hệ thống iOffice của Văn phòng Tỉnh ủy. Trong năm 2022, có 237.758 văn bản điện tử phát hành trên hệ thống, trong đó có 192.152 văn bản được ký số (tỷ lệ 80,82%).

- Hệ thống thư điện tử công vụ (mail.travinh.gov.vn): trong năm, cấp mới 1.368 tài khoản, nâng tổng số hộp thư điện tử công vụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức là 9.096. Qua đó, góp phần đẩy mạnh tăng cường trao đổi, sử dụng văn bản điện tử qua môi trường mạng.

- Hệ thống ISO điện tử: được triển khai đến 19 cơ quan thuộc UBND tỉnh, 09 UBND các huyện, thị xã, thành phố và 106 UBND xã, phường, thị trấn; tổng số người sử dụng hệ thống là 1.133 người, hệ thống hỗ trợ công tác quản lý, áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Hệ thống kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh để đồng bộ trạng thái tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết TTHC.

- Hệ thống báo cáo kinh tế xã hội tỉnh: Hệ thống báo cáo kinh tế xã hội tỉnh phục vụ nhu cầu khai thác thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước, phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp, đã triển khai đến 194 đơn vị (cấp tỉnh 16, cấp huyện 72, cấp xã 106). Hiện đã kết nối, gửi nhận báo cáo hằng tháng với hệ thống báo cáo của Văn phòng Chính phủ, thực hiện cập nhật 649 chỉ tiêu lên hệ thống.

- Hệ thống hội nghị truyền hình: năng lực đáp ứng 120 điểm cầu họp đồng thời (05 điểm cầu tỉnh; 09 điểm cầu huyện, thị xã, thành phố và 106 điểm cầu xã, phường, thị trấn). Đã phục vụ 121 cuộc họp định kỳ, đột xuất của tỉnh, giữa tỉnh và Trung ương. Ngoài ra, hệ thống họp trực tuyến Jitsi phục vụ 70 cuộc họp trong tỉnh.

b) Các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Hệ thống Cổng thông tin điện tử có 01 cổng chính với 03 ngôn ngữ (<https://travinh.gov.vn/>): tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Khmer và 40 trang thông tin thành phần, cung cấp thông tin cơ bản theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Từ năm 2019, tỉnh đã xây dựng kênh Zalo Cổng thông tin điện tử tỉnh Trà Vinh nhằm cung cấp thêm 01 kênh để người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin về cơ chế chính sách của tỉnh, đồng thời cho phép tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ TTHC.

- Cổng dịch vụ công của tỉnh (<https://dichvucong.travinh.gov.vn/>): đáp ứng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Nghị định số 107/2021/NĐCP ngày 06/12/2021

của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC chính trên môi trường điện tử; đã tích hợp hỗ trợ tổ chức, cá nhân thanh toán phí, lệ phí, thuế thực hiện TTHC trực tuyến; liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định. Hệ thống cung cấp 1.858 dịch vụ công trực tuyến (mức 3: 551 dịch vụ (chiếm tỷ lệ 29,65%); mức 4: 1.077 dịch vụ (chiếm tỷ lệ 57,96%). Trong năm 2022, hệ thống đã tiếp nhận 288.374 hồ sơ (243.201 trực tiếp, 45.173 trực tuyến) và giải quyết 281.494 hồ sơ, các hồ sơ còn lại trong quá trình giải quyết. Trong đó, dịch vụ công mức 3 tiếp nhận 107.550 hồ sơ (91.359 trực tiếp, 16.191 trực tuyến (tỷ lệ 15,05%)); dịch vụ công mức 4 tiếp nhận 159.024 hồ sơ (130.042 trực tiếp, 28.982 trực tuyến (tỷ lệ 18,22%)). Rà soát, công khai 1.466 TTHC và tích hợp 930 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (50,05%) đạt mục tiêu kế hoạch năm 2022 của tỉnh. Tuy nhiên, năm 2022 có 72,52% dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ (đạt 100% mục tiêu kế hoạch năm 2022 của tỉnh, đạt 90,65% mục tiêu Quyết định số 27/QĐ-UBND) và chỉ 15,66% hồ sơ giải quyết trực tuyến (đạt 31,32% so với mục tiêu kế hoạch năm 2022 của tỉnh và Quyết định số 27/QĐ-UBND).

- Cổng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã của tỉnh (<https://doanhnghiep.travinh.gov.vn/>): có chức năng nhất thể hóa và cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã của tỉnh; thông tin chủ trương, chính sách của nhà nước đối với doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu quảng bá sản phẩm, liên kết trong sản xuất, kinh doanh.

- Trang thông tin khởi nghiệp tỉnh (<http://khoinghiep.travinh.gov.vn/>): cung cấp thông tin hoạt động khởi nghiệp cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng CSDL khởi nghiệp, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống CSDL dùng chung của tỉnh phục vụ việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu doanh nghiệp khởi nghiệp.

- Hệ thống phản ánh kiến nghị (<https://pakn.travinh.gov.vn/vi/>): là kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính và các lĩnh vực liên quan đến trật tự, hạ tầng đô thị, nâng cao chất lượng và giám sát việc thực hiện TTHC của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Đồng thời là kênh tương tác và kết nối giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền; tạo điều kiện thuận lợi để người dân và doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến, phản ánh các vấn đề trên địa bàn, đồng thời sử dụng các dịch vụ, tiện ích thông minh thông qua việc kết nối với các dịch vụ an ninh, y tế, môi trường. Hệ thống đã được tích hợp vào Ứng dụng Smart Trà Vinh.

- Ứng dụng Smart Trà Vinh (App Smart Trà Vinh): có chức năng tích hợp, liên kết để cung cấp các ứng dụng, tiện ích chuyển đổi số trên thiết bị di động như tra cứu thông tin lịch công tác của lãnh đạo UBND tỉnh, lịch tiếp công dân, văn bản chỉ đạo, văn bản pháp luật, thông tin về chuyển đổi số, thông tin chuyên ngành; theo dõi tình hình thông tin kinh tế xã hội, giao thông, y tế,...; giúp người dân, doanh nghiệp sử dụng các tiện ích dịch vụ công, thanh toán trực tuyến,...

9. Về chuyển đổi số các lĩnh vực ưu tiên

a) Lĩnh vực y tế

- Triển khai ứng dụng quản lý khám chữa bệnh cho các cơ sở khám chữa bệnh; ứng dụng Quản lý y tế cơ sở cho các phòng khám đa khoa khu vực, các trạm y tế xã, phường và hệ thống đã được kết nối liên thông với Cổng dữ liệu y tế của Bộ Y tế và Cổng giám định bảo hiểm y tế quốc gia; triển khai thí điểm hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử để mọi người dân đều được quản lý, theo dõi, chăm sóc sức khỏe ban đầu tại các cơ sở y tế; ứng dụng chăm sóc sức khỏe từ xa (Ourhealth); triển khai ứng dụng đơn thuốc điện tử đến các cơ sở khám chữa bệnh trong và ngoài công lập; kết nối liên thông dữ liệu từ các cơ sở cung ứng thuốc vào CSDL Dược quốc gia; triển khai các ứng dụng chuyên ngành như: hệ thống báo cáo y dược cổ truyền, hệ thống báo cáo thống kê y tế, Cổng dữ liệu y tế.

- Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt: hiện có 02/12 bệnh viện đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt (Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh, Bệnh viện Sản - Nhi).

b) Lĩnh vực giáo dục

- Tổ chức triển khai, khai thác các nền tảng số hỗ trợ dạy và học từ xa; ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến,... Tiến tới trực tuyến hỗ trợ toàn bộ các quá trình trong công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh, sinh viên, giáo viên; tìm kiếm và thúc đẩy ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục (Edtech) vào giảng dạy. Đã triển khai dạy học trực tuyến (hệ thống VNPT E-Learning, K12-Online) trong thời điểm dịch bệnh Covid-19; 100% các trường Trung học phổ thông triển khai phần mềm thư viện điện tử; triển khai phần mềm quản lý trường học VnEdu cho 159 trường (Tiểu học: 13; Trung học cơ sở: 100; Trung học cơ sở - Trung học phổ thông: 6; Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên: 40).

- Hiện tại Trường Đại học Trà Vinh đang triển khai đề án Số hóa tại Đại học Trà Vinh.

- Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt: phối hợp với các tổ chức tín dụng, ngân hàng; Viettel Trà Vinh; VNPT Trà Vinh giới thiệu triển khai giải pháp thu/chi hộ học phí không dùng tiền mặt đến các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh. Đã triển khai thu học phí không dùng tiền mặt đến 100% các trường học trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

c) Lĩnh vực tài chính - ngân hàng

- Bên cạnh áp dụng các hệ thống công nghệ thông tin do Bộ Tài chính triển khai, Sở Tài chính đã đưa vào sử dụng các ứng dụng hỗ trợ trong công tác điều hành và quản lý ngân sách của tỉnh như: quản lý quỹ lương, quản lý chế độ chính sách, quản lý dự án đầu tư, phần mềm thẩm định xét duyệt quyết toán ngân sách theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính, quản lý cấp phát thẻ bảo hiểm y tế, quản lý tài chính - điều hành - quyết toán ngân sách.

- Triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money theo Quyết định số 1916/QĐ-NHNN ngày 26/11/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Việc triển khai thí điểm đã đạt được một số kết quả tích cực, góp phần vào phát triển hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt nhằm cho phép khách hàng dùng tài khoản viễn thông để thực hiện nhiều giao dịch khác nhau như: thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ; chuyển tiền, nạp, rút tiền trực tiếp tại hệ thống cửa hàng, điểm giao dịch rộng khắp trên địa bàn tỉnh, góp phần đưa dịch vụ thanh toán điện tử có thể tiếp cận đến người dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

d) Lĩnh vực nông nghiệp

- Triển khai hệ thống giám sát côn trùng thông minh nhằm theo dõi tình hình côn trùng trên cây lúa tại UBND các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang giai đoạn 2020 - 2024.

- Xây dựng thí điểm 02 trạm cảnh báo đông, sét tự động đặt tại xã Long Sơn, huyện cầu Ngang và xã Long Hiệp, huyện Trà Cú. Đây là 02 trạm cảnh báo đông, sét tự động, khi phát hiện các dấu hiệu của đông sét, hệ thống sẽ phát tín hiệu cảnh báo qua loa cảnh báo với bán kính khoảng 300 - 500m. Người dân có thể nghe được tín hiệu cảnh báo để chủ động phòng tránh.

- Thực hiện Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Smart Life (Công ty Smart Life) hỗ trợ xây dựng ứng dụng thông tin quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản của tỉnh (thực hiện thí điểm năm 2021 - 2022) và hỗ trợ giao dịch trên sàn Nông sản sạch Azuamua.com. Trong năm 2022, ngoài 08 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở đã tham gia, Công ty Smart Life phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Dự án SME Trà Vinh khảo sát, hỗ trợ đưa thêm khoảng 100 sản phẩm của 20 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở có sản phẩm đạt OCOP để đưa lên sàn Azuamua.com

đ) Lĩnh vực giao thông vận tải - logistics

- Áp dụng phần mềm Quản lý giấy phép lái xe (quản lý, cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe); Hệ thống dịch vụ công trực tuyến đổi giấy phép lái xe. Qua đó, đã tổ chức được 86 kỳ sát hạch lái xe mô tô hạng A1 với tổng số 19.970 thí sinh; 12 kỳ sát hạch lái xe ô tô (hạng B2, C, D) với tổng số 1.262 thí sinh; cấp mới 14.435 giấy phép lái xe và cấp đổi, cấp lại 5.860 giấy phép lái xe các loại.

- Hệ thống dịch vụ công trực tuyến vận tải đường bộ (quản lý vận tải, cấp giấy phép kinh doanh vận tải, phù hiệu, biển hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải): đã cấp được 06 giấy phép kinh doanh vận tải, 1.406 phù hiệu xe kinh doanh vận tải các loại.

- Hệ thống xử lý và khai thác sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, camera lắp trên xe ô tô kinh doanh vận tải: đã xử lý thu hồi 56 phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải do vi phạm tốc độ quy định. Qua đó đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý vận tải, cải thiện việc quản lý và lịch trình di chuyển, nhằm thay đổi cách ứng xử của người lái xe một cách dài hạn, nâng cao an toàn giao thông, thúc đẩy việc sử dụng cũng như độ tin cậy đối với các phương tiện công cộng.

e) Lĩnh vực thương mại, công nghiệp và năng lượng

- Về sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh (www.travinhtrade.vn): cung cấp thông tin thị trường trong và ngoài nước, thông tin hữu ích,... Đến nay, đã cập nhật 125 doanh nghiệp với 638 loại sản phẩm, trong đó gồm sản phẩm OCOP 3 sao, 4 sao; sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh và các loại sản phẩm nông sản, trái cây, sản phẩm khác.

- Triển khai lưới điện thông minh: chuyển 06/06 trạm biến áp 110kV đang điều khiển xa sang trạm biến áp không người trực vận hành; việc thu thập thông số kỹ thuật đều được thực hiện tự động, mọi hoạt động đóng cắt, vận hành lưới, giám sát quá trình hoạt động, thu thập dữ liệu của trạm đều được điều khiển từ xa, giám sát qua hệ thống camera từ Trung tâm điều khiển xa; kết nối các recloser/LBS vào hệ thống SCADA, hỗ trợ tích cực trong công tác quản lý, vận hành và xử lý sự cố lưới điện; trang bị đo ghi xa các công tơ điện tử, thiết bị sẽ tự động đọc chỉ số công tơ tại bất kỳ thời điểm nào một cách chính xác và có thể thu thập toàn bộ dữ liệu công tơ mọi lúc, mọi nơi để tính hóa đơn, tạo sự khách quan, minh bạch trong việc ghi chỉ số công tơ hàng tháng, góp phần nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng sử dụng điện.

g) Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, CSDL phục vụ quản lý toàn diện, hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường; bảo đảm yêu cầu kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu, phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là CSDL đất đai, bản đồ số và các CSDL về lĩnh vực khác (nền địa lý quốc gia, quan trắc tài nguyên và môi trường, đa dạng sinh học, nguồn thải, viễn thám, biển đảo, biến đổi khí hậu, khí tượng - thủy văn, địa chất - khoáng sản,...). Xây dựng bản đồ số mở làm nền tảng phát triển các dịch vụ số phát triển kinh tế - xã hội; triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

- Triển khai Dự án xây dựng Hệ CSDL quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh: đã hoàn thành giai đoạn 1 của Dự án, thiết lập CSDL về quan trắc tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; xây dựng hệ thống tiếp nhận, tích hợp và công bố dữ liệu quan trắc tài nguyên môi trường tại tỉnh.

- Xây dựng hệ thống cung cấp thông tin đất đai trên WebGIS cho 04 huyện Châu Thành, Càng Long, Cầu Kè, Cầu Ngang để phục vụ tra cứu, công bố kế hoạch sử dụng đất hàng năm và quy hoạch sử dụng đất 5 năm: đã xây dựng phần mềm quản lý thông tin đất đai trên nền tảng công nghệ WebGIS hỗ trợ nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng, truy cập và tra cứu thông tin, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai trên địa bàn tỉnh; đã xây dựng phần mềm khai thác CSDL tài nguyên nước phục vụ cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước và đã cập nhật điểm khai thác nước dưới đất 305 điểm, điểm khai thác nước mặt 38 điểm, điểm thăm dò nước dưới đất 28 điểm, giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất 70 giấy phép, điểm xả thải ra môi trường 62 điểm; đã xây dựng phần mềm khai thác CSDL môi trường để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực

môi trường, hiện đang vận hành thử nghiệm sử dụng phục vụ công tác chuyên môn.

10. Kinh tế số

a) Về phát triển doanh nghiệp công nghệ số: trên địa bàn tỉnh hiện nay có 115 doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực công nghệ thông tin; hầu hết là doanh nghiệp nhỏ, kinh doanh các sản phẩm phần cứng (máy tính, máy in, các linh kiện điện tử,...); một số doanh nghiệp sản xuất gia công, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phần mềm và nội dung số nhưng quy mô còn nhỏ lẻ, số lượng lao động ít.

b) Về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số: UBND tỉnh đã ban hành Chương trình xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số; Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025.

c) Về sử dụng sàn thương mại điện tử

- Có 125 doanh nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử của tỉnh với 638 sản phẩm; do từng mặt hàng được sản xuất và tiêu thụ theo đơn đặt hàng, theo vụ hoặc quanh năm, sản phẩm cung ứng ra thị trường không cố định. Các sản phẩm của các cơ sở đăng trên các sàn thương mại điện tử mang tính chất giới thiệu, quảng bá cung cấp thông tin; mua bán chủ yếu dưới hình thức liên hệ trao đổi trực tiếp với cơ sở doanh nghiệp, các thị trường truyền thống và khách hàng hiện tại của cơ sở đặt mua.

- Thực hiện Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh về hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: đến nay, có 68.627 hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản bán hàng trên sàn thương mại điện tử (Postmart.vn (68.627 hộ) và Voso.vn (59.000 hộ)) với 1.142 loại sản phẩm được quảng bá, giới thiệu trên sàn. Bưu điện tỉnh và Chi nhánh Bưu chính Viettel Trà Vinh đã thực hiện hỗ trợ được 89/104 sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh quảng bá, giới thiệu trên 02 sàn thương mại điện tử Postmart.vn và Voso.vn.

d) Về triển khai sử dụng hóa đơn điện tử: Kế hoạch số 03/KH-TTTr ngày 15/4/2022 của Tổ thường trực Ban Chỉ đạo theo Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 về triển khai hóa đơn điện tử của Tổ thường trực triển khai áp dụng hóa đơn điện tử tỉnh Trà Vinh. Số liệu ghi nhận trên hệ thống hóa đơn điện tử đến nay đã có 3.768 mã số thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thành công. Các tổ chức, doanh nghiệp, hộ kê khai đã đăng ký thực hiện hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến nay đạt 100%.

đ) Về triển khai sử dụng biên lai điện tử: VNPT Trà Vinh đã triển khai biên lai điện tử cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh và Chi cục thú y tỉnh.

11. Xã hội số

a) Đến nay 100% ấp, khóm trên địa bàn tỉnh được cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng cố định, di động; tỷ lệ dân số được phủ sóng di động 3G, 4G đạt 100%; trên 60% dân số trên địa bàn tỉnh có điện thoại thông minh; 59,25% hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng.

b) Về thanh toán không dùng tiền mặt:

- Số người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch đang còn hoạt động tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác: 646.721 người; tài khoản Mobile Money trên địa bàn tỉnh: 30.909 tài khoản.

- VNPT Trà Vinh hỗ trợ người dân thanh toán không dùng tiền mặt khi thực hiện dịch vụ công, thanh toán không dùng tiền mặt tại các bệnh viện, cơ sở y tế qua VNPT Money: mở rộng các điểm giao dịch để hỗ trợ người dân nạp, rút tiền tài khoản VNPT Money (190 điểm); chương trình khuyến mại hưởng ứng tuần lễ chuyển đổi số quốc gia dành cho khách hàng nạp tiền trên ứng dụng MyVNPT (68 khách hàng tham gia chương trình).

- Viettel Trà Vinh ra mắt mô hình thanh toán không dùng tiền mặt tại các chợ và cửa hàng tiện lợi: hiện tại 02 chợ Nhị Long, xã Nhị Long và chợ Huyện Hội, xã Huyện Hội, huyện Càng Long, Viettel Trà Vinh đã xây dựng các điểm nạp tiền, rút tiền với gần 30 nhân viên hướng dẫn, hỗ trợ tiểu thương và người dân có nhu cầu sử dụng; có 155 tiểu thương tại 02 chợ được trang bị mã QR, kết nối với các ngân hàng và các ví điện tử.

- Công ty Điện lực Trà Vinh đã đẩy mạnh công tác thanh toán tiền điện không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh: tính đến tháng 11/2022, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác thu hộ tiền điện với 09 Chi nhánh Ngân hàng trên địa bàn tỉnh và 11 tổ chức trung gian thanh toán. Kết quả khách hàng thanh toán tiền điện không dùng tiền mặt của toàn Công ty đạt 99,82% (179.788/180.120 khách hàng), trong đó: khách hàng thanh toán qua hình thức trích nợ tự động, qua tài khoản ngân hàng, ví điện tử, mobile money đạt tỷ lệ 30,73% (55.242/179.788 khách hàng); Khách hàng thanh toán qua điểm thu của Tổ chức trung gian thanh toán chiếm tỷ lệ 69,09% (124.546/179.788 khách hàng).

c) Tổ công nghệ số cộng đồng: 100% UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn đã triển khai Tổ Công nghệ số cộng đồng với 732 tổ và 3.842 thành viên.

12. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện năm 2022: 39.217,236 triệu đồng. Trong đó, Ngân sách tỉnh: 39.216,236 triệu đồng, nguồn vốn khác: 01 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục I đính kèm)

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Việc triển khai xây dựng các nền tảng số còn chậm, một số nền tảng số của Bộ, ngành trung ương chưa được kết nối; một số CSDL chuyên ngành chưa được triển khai xây dựng, nhất là CSDL các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số; tỉnh chưa ban hành danh mục dữ liệu dùng chung, danh mục dữ liệu mở. Sau khi hoàn chỉnh Kho dữ liệu và Kho quản lý dữ liệu, tỉnh sẽ ban hành danh mục dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

2. Sự tham gia, vào cuộc của doanh nghiệp, người dân còn hạn chế; tỷ lệ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến so với tổng số hồ sơ tiếp nhận thấp; việc triển khai số hóa hồ sơ thủ tục hành chính còn thấp; việc khai thác dịch vụ xác thực thông tin công dân phục vụ giải quyết thủ tục hành chính chưa thực hiện, tỷ lệ người dân được cấp định danh điện tử còn thấp so với chỉ tiêu.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

Quyết định số 27/QĐ-UBQGCDĐT ngày 15/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022.

Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 26/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh về triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 14/02/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 và Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025.

Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh về Chuyển đổi IPv6 cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025.

Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 26/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2022 - 2025.

Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về truyền thông nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: các cấp, các ngành tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số; phát huy hiệu quả chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý xã hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về hạ tầng số

- Tiếp tục duy trì hạ tầng kỹ thuật trung tâm dữ liệu của tỉnh đủ năng lực, hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn thông tin.

- Tiếp tục duy trì 100% công chức, viên chức được trang bị máy vi tính, có cài đặt phần mềm diệt và phòng chống virus; 100% cơ quan kết nối Internet bằng cáp quang (FTTH, Leased Line); 100% máy tính (trong phạm vi mạng LAN) của sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Tiếp tục duy trì 100% xã, phường, thị trấn được phủ bằng rộng cáp quang và sóng thông tin di động 4G; thí điểm dịch vụ mạng di động 5G.

b) Về dữ liệu và nền tảng số

- 100% dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia được kết nối đưa vào sử dụng tại tỉnh.

- 100% CSDL tại Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh được kết nối với hệ thống thông tin quản lý ngành, lĩnh vực phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

c) Về nhân lực số

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tuyên truyền, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, an toàn thông tin.

- 100% thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng được bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số.

d) Về an toàn thông tin

- Trên 80% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được phê duyệt cấp độ; 100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được phê duyệt cấp độ được kiểm tra, đánh giá theo quy định.

- 100% các hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu tỉnh được bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”.

- 100% máy tính của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (bao gồm đơn vị thuộc, trực thuộc) đảm bảo cấu hình được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

đ) Về chính quyền số

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ

- + 100% cơ quan nhà nước ở 3 cấp sử dụng đồng bộ Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành thực hiện công tác quản lý, điều hành, xử lý công việc nội bộ và công tác văn thư theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư; đảm bảo phát hành văn bản bằng hình thức điện tử (không gửi văn bản giấy) đối với các loại văn bản theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 5032/UBND-HCQT ngày 10/12/2020; đảm bảo 100% hồ sơ

công việc tại cấp tỉnh, 95% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên hệ thống.

+ 100% báo cáo thống kê về kinh tế xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện qua hệ thống báo cáo kinh tế xã hội của UBND tỉnh, đảm bảo kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với hệ thống báo cáo quốc gia.

+ 100% cơ quan nhà nước ở 3 cấp sử dụng đồng bộ ISO điện tử.

- Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp

+ 100% hồ sơ TTHC được giải quyết qua hệ thống Cổng dịch vụ công của tỉnh (hoặc hệ thống thông tin một cửa điện tử của ngành).

+ 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định được cung cấp trực tuyến toàn trình, trong đó tối thiểu 70% TTHC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến; tối thiểu 50% hồ sơ được nộp bằng hình thức trực tuyến/tổng hồ sơ tiếp nhận. Tích hợp tối thiểu 70% TTHC trực tuyến của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia.

+ 100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị được số hóa, cập nhật vào Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và hoàn thành các mục tiêu số hóa theo lộ trình.

+ 50% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

+ 100% cơ quan, đơn vị áp dụng hệ thống Phản ánh kiến nghị để xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

e) Về phát triển kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số chiếm trên 8% GRDP của tỉnh; năng suất lao động tăng bình quân trên 11,5%/năm.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 8,5%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 30%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 30%.

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 1%.

g) Về phát triển xã hội số

- Trên 75% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử.

- Trên 80% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

- Trên 20% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- Trên 40% dân số trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- Trên 87% hộ gia đình kết nối Internet.

- Trên 20% dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Trên 30% dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa.
- Trên 80% dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện năm 2023: 72.524 triệu đồng; trong đó, nguồn đầu tư: 42.151 triệu đồng, nguồn sự nghiệp: 30.373 triệu đồng.

2. Kinh phí triển khai các nhiệm vụ, dự án sẽ được xác định cụ thể khi các nhiệm vụ, dự án được phê duyệt và phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách của cơ quan, đơn vị.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2023

(Chi tiết như Phụ lục III đính kèm)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo cải cách hành chính; nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh và Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh

a) Phát huy vai trò các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính; nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh và Chuyển đổi số tỉnh trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình công tác hoặc phụ trách.

b) Tăng cường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ, dự án theo Kế hoạch; kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh, khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo đạt chỉ tiêu, chất lượng, tiến độ; chủ động phối hợp cơ quan liên quan tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc; định kỳ hàng quý (trước ngày 20 của tháng cuối quý), năm (trước ngày 30/11) tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

b) Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương gương mẫu trong việc sử dụng các nền tảng số, các ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyển đổi số, đảm bảo cơ quan, đơn vị trực thuộc sử dụng đồng bộ, hiệu quả các hệ thống thông tin đã được UBND tỉnh đầu tư, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nội bộ, cung cấp dịch vụ trực tuyến đến người dân, doanh nghiệp; quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận tham gia của toàn xã hội trong chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Sở Thông tin và Truyền Thông

a) Đảm bảo vận hành hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, dịch vụ tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh hoạt động ổn định, thông suốt, bảo đảm an toàn thông tin phục vụ cơ quan nhà nước các cấp trong chuyển đổi số.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh giải pháp xây dựng, phát triển, vận hành các nền tảng, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số; đẩy mạnh sử dụng các nền tảng số quốc gia; làm đầu mối phối hợp, hỗ trợ các cơ quan kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

c) Tham mưu UBND tỉnh trong việc chỉ đạo thực hiện các biện pháp tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận tham gia của toàn xã hội trong thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền phân bổ kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ, các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

6. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân tích cực tham gia vào quá trình thực hiện chuyển đổi số của tỉnh, áp dụng công nghệ số vào sản xuất kinh doanh và đời sống góp phần nâng cao năng suất, chất lượng cuộc sống.

7. Các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp nhà nước: chủ động phát triển các nền tảng số, tham gia Chương trình phát triển nền tảng số quốc gia, giải quyết các vấn đề về phát triển kinh tế số, xã hội số; xây dựng hệ sinh thái nội dung hấp dẫn, lành mạnh để tạo thói quen trực tuyến cho người dân; phối hợp với các trường đại học, cao đẳng xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng chuyên ngành công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng.

8. Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh, Văn phòng UBND tỉnh: phối hợp với cơ quan có liên quan tăng cường thực hiện các biện pháp tuyên truyền, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp về các lợi ích trong việc xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện